

Số: /2023/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 28/12/2020 của Chính phủ Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh tại Văn bản số 05/TTr-HĐQL ngày 25/5/2023; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 42/BC-STP ngày 23/02/2023 (trên cơ sở ý kiến thống nhất bằng phiếu biểu quyết của các thành viên UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và thay thế Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Tĩnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Đầu

tư phát triển Hà Tĩnh; Trưởng ban kiểm soát; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các phó VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH₁. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Bái Hà

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- “Vốn hoạt động” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển tại một thời điểm.
- “Người quản lý Quỹ đầu tư phát triển” là người giữ các chức danh, chức vụ bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- “Người có liên quan” là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

Điều 2. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

- Tên gọi của Quỹ:
 - Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh.
 - Tên giao dịch quốc tế: Ha Tinh Development and Investment Fund.
 - Tên viết tắt: HDIF.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 01, đường Đặng Dung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Điện thoại, fax, trang điện tử:
 - Điện thoại: (02393) 891168.
 - Fax: (02393) 891168.
 - Trang điện tử: Hdif.vn.

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân

- Quỹ đầu tư phát triển Hà Tĩnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ đầu tư phát triển Hà Tĩnh có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Điều lệ này.

2. Phạm vi hoạt động

a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và pháp luật có liên quan.

b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.

c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.

d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.

đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

a) Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp.

b) Quỹ đầu tư phát triển.

c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Vốn điều lệ của Quỹ:

Vốn điều lệ của Quỹ: Vốn điều lệ của Quỹ không thấp hơn 300 tỷ đồng, được hình thành từ các nguồn:

a) Ngân sách tỉnh cân đối, ưu tiên bổ sung nguồn vốn hàng năm cho Quỹ theo khả năng ngân sách.

b) Bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

3. Thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển:

a) Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ ghi tại Quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, đảm bảo mức vốn tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp cấp bổ sung vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ áp dụng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Mục 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 6. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Ban Kiểm soát.

c) Ban điều hành gồm Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Thâm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định tại Mục 2, 3, 4 Chương II của Điều lệ này.

Điều 7. Trách nhiệm của Quỹ

1. Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Điều lệ này.

2. Tuân thủ chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định của pháp luật liên quan và tại Điều lệ này.

3. Xây dựng báo cáo quyết toán hàng năm và thực hiện đánh giá và xếp loại Quỹ hàng năm theo chế độ quy định của pháp luật.

4. Ban hành các quy trình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật và các Quy chế hoạt động do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

5. Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển.

Điều 8. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.

3. Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật.

5. Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

Mục 2: HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 9. Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 05 người, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển có thể kiêm Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về số lượng thành viên và nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý theo nguyên tắc số lượng thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ là số lẻ; quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có: Chủ tịch Hội đồng quản lý do Chủ tịch/Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh kiêm nhiệm, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Quỹ kiêm nhiệm, các thành viên Hội đồng quản lý là Giám đốc/Phó Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Hà Tĩnh kiêm nhiệm.

Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thành viên Hội đồng quản lý

1. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

d) Các tiêu chuẩn khác quy định tại điểm c, d và e Khoản 2 Điều này.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ;

e) Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn Ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ.

2. Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động nghiệp vụ, bao gồm: Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định; Quy chế huy động vốn; Quy chế cho vay; Quy chế quản lý các khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư; Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác, các quy chế khác theo yêu cầu quản lý và quy định tại Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

4. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

5. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

6. Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

7. Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ đầu tư phát triển sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

8. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh: phê duyệt báo cáo kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển.

9. Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Ban Kiểm soát Quỹ.

10. Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

11. Phê duyệt các nội dung công bố thông tin của Quỹ Đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 14 Thông tư 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính.

12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Mục 3: BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Điều 13. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ. Ban Kiểm soát có tối đa 03 thành viên, trong đó có 01 Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Ban Kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn; việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ đầu tư phát triển.

2. Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển.

3. Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Lập kế hoạch thực hiện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 15. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thành viên Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

đ) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

Mục 4: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 16. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển.

3. Thời hạn bổ nhiệm Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc thực hiện theo quy định về công tác quản lý cán bộ của UBND tỉnh.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền.

3. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng hoặc phó phòng/ban nghiệp vụ) và người lao động theo quy định tại Điều lệ này.

4. Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và Điều lệ này.

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.
2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.
3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.
4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 19. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc:

- a) Phó Giám đốc do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.
- b) Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- c) Số lượng Phó Giám đốc Quỹ là 02 người.

2. Kế toán trưởng:

- a) Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.
- b) Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng;

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của UBND tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thời hạn bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 20. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ đầu tư phát triển gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ.

2. Việc thành lập, cơ cấu lại các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ đề xuất Hội đồng quản lý Quỹ quyết định sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Tuyển dụng lao động, quy hoạch và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo khác

1. Tuyển dụng

Căn cứ kế hoạch lao động hàng năm của Quỹ đã được phê duyệt, Giám đốc thực hiện tuyển dụng lao động theo quy định.

2. Quy hoạch và bổ nhiệm

Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng/phó phòng, ban nghiệp vụ) và người lao động do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Mục 1: DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY

Điều 22. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đầu tư phát triển đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bao gồm: giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Trên cơ sở danh mục đề xuất của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển.

Điều 23. Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển.

2. Trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 22 và Khoản 1 Điều này.

Mục 2: HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 24. Nguyên tắc và hình thức đầu tư

1. Việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và

không thuộc phạm vi đầu tư công. Ngoài các quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, hoạt động đầu tư của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

2. Các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư:

a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.

b) Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư.

d) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Quỹ đầu tư phát triển không được đầu tư trong các trường hợp:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ đầu tư phát triển.

b) Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng.

Điều 25. Đối tượng đầu tư

1. Đối tượng đầu tư của Quỹ là các dự án, doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này.

2. Căn cứ vào danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ lựa chọn, thẩm định, quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Điều lệ này.

Điều 26. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế

1. Việc đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế của Quỹ đầu tư phát triển phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

b) Tổ chức kinh tế được đầu tư, góp vốn có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này.

2. Quỹ đầu tư phát triển quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 27. Đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư

1. Việc đầu tư dự án của Quỹ đầu tư phát triển phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Dự án được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

b) Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này.

c) Dự án tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Quỹ đầu tư phát triển có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thành lập doanh nghiệp dự án để quản lý dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Quỹ đầu tư phát triển triển khai thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 28. Thâm quyền quyết định đầu tư

1. Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

3. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

Điều 29. Giới hạn đầu tư

1. Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

2. Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư khác với quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Mục 3: HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Điều 30. Đối tượng và điều kiện cho vay

1. Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này.

b) Không là công ty con của Quỹ đầu tư phát triển.

c) Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện cho vay:

a) Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Dự án vay vốn được Quỹ đầu tư phát triển thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay.

c) Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư.

d) Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

Điều 31. Thời hạn cho vay

1. Quỹ đầu tư phát triển quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.

2. Trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Quỹ đầu tư phát triển thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 32. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

2. Định kỳ hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại khoản 1 điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển.

3. Quỹ đầu tư phát triển quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 2 điều này.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 33. Bảo đảm tiền vay

1. Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển xem xét, sử dụng các biện pháp đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ đầu tư phát triển và chủ đầu tư vay vốn.

Điều 34. Quy định về cho vay hợp vốn

1. Quỹ được làm đầu môi hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển khác, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Dự án cho vay phải thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ đầu tư phát triển tham gia, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại Điều 30 và Điều 36 Điều lệ này.

3. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Điều lệ này.

4. Lãi suất cho vay do các bên tham gia cho vay quyết định, được ghi trong hợp đồng và không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này.

Điều 35. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án cho vay có giá trị lớn hơn mức quy định tại Khoản 1 Điều này, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

Điều 36. Giới hạn cho vay

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ đầu tư phát triển không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

3. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 37. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay

1. Quỹ đầu tư phát triển thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

2. Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro:

a) Chủ đầu tư bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

b) Chủ đầu tư bị phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

d) Chủ đầu tư gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

đ) Chủ đầu tư có khoản nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ đầu tư phát triển.

3. Quỹ đầu tư phát triển thành lập Hội đồng để xử lý rủi ro. Thành phần Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm 01 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ làm Chủ tịch, 01 thành viên là Giám đốc Quỹ, 01 thành viên là Trưởng bộ phận có chức năng quản lý rủi ro và tối thiểu 02 thành viên khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Trường hợp sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Quỹ đầu tư phát triển được xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu có đủ hồ sơ chứng minh đã thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trên cơ sở đề nghị của hội đồng quản lý.

5. Quỹ đầu tư phát triển xây dựng quy chế xử lý rủi ro và trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quy chế xử lý rủi ro bao gồm các nội dung cơ bản sau: nguyên tắc xử lý rủi ro; các trường hợp, biện pháp xử lý rủi ro; hồ sơ, trình tự thủ tục sử dụng dự phòng rủi ro; quy trình xử lý rủi ro và thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro.

Điều 38. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ

1. Quỹ đầu tư phát triển xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá của Quỹ về khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp ứng quy định về thời hạn cho vay theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

2. Quỹ đầu tư phát triển được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ.

3. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ của Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng. Quỹ đầu tư phát triển ban hành quy chế nội bộ, trong đó quy định rõ về quy trình, thẩm quyền, các trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ.

Mục 4: HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 39. Nhận ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ đầu tư phát triển thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ đầu tư phát triển).

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

c) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác.

d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có).

e Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ đầu tư phát triển có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 40. Ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 41. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Năm tài chính của Quỹ đầu tư phát triển bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ đầu tư phát triển phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ đầu tư phát triển thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ đầu tư phát triển thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán.

b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển thì không trích nữa.

d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý.

đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ đầu tư phát triển. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ đầu tư phát triển phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Quỹ đầu tư phát triển thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 42. Huy động vốn

1. Quỹ đầu tư phát triển được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển.

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ đầu tư phát triển được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Điều 43. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển

1. Quỹ đầu tư phát triển phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của Quỹ đầu tư phát triển:

a) Quỹ có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Quỹ.

b) Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá xếp loại hoạt động có hiệu quả năm trước liền kề của năm phát hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Đảm bảo tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

d) Có phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong đó nêu cụ thể về mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và nguồn bố trí trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

đ) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.

e) Đáp ứng các giới hạn đầu tư, cho vay, huy động vốn theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.

3. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu, đối tượng mua và giao dịch trái phiếu, quy trình, hồ sơ, phương án phát hành, phương thức phát hành, việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước.

Điều 44. Vốn nhận ủy thác

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển và được hạch toán, quản lý tách bạch với vốn hoạt động của Quỹ.

Điều 45. Bảo toàn an toàn vốn của Quỹ đầu tư phát triển

1. Quỹ đầu tư phát triển có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn vốn và tài sản theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về biến động vốn chủ sở hữu của Quỹ.

2. Việc bảo toàn vốn được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này và trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển.

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 46. Kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm

1. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động 05 năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ đầu tư phát triển xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm để Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Kế hoạch tài chính hàng năm bao gồm: kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch hàng năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm tiếp theo.

b) Trước ngày 30 tháng 4 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm để Quỹ đầu tư phát triển triển khai, thực hiện.

Điều 47. Chế độ báo cáo của Quỹ đầu tư phát triển

1. Quỹ đầu tư phát triển lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quỹ đầu tư phát triển chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 48. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển.

2. Hàng năm, Quỹ đầu tư phát triển đánh giá hiệu quả hoạt động theo các chỉ tiêu bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác.

b) Chỉ tiêu 2: Chênh lệch thu - chi và tỷ suất chênh lệch thu - chi trên vốn chủ sở hữu.

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư.

d) Chỉ tiêu 4: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3. Các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xác định và tính toán trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật. Khi tính toán các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:

a) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác.

b) Do Nhà nước điều chỉnh chính sách hoặc biến động của thị trường làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và tình hình hoạt động của Quỹ.

c) Do Quỹ thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Nhà nước khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ cho các đối tượng vay; điều chỉnh lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động của người quản lý của Quỹ đầu tư phát triển theo các tiêu chí sau:

a) Kết quả việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

b) Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển.

c) Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy chế hoạt động Quỹ đầu tư phát triển.

5. Cách thức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển, đánh giá hiệu quả hoạt động người quản lý của Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ TRANH CHẤP, CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ

Điều 49. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 50. Cơ cấu lại

Việc cơ cấu lại hoặc giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

Điều 51. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ đầu tư phát triển bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Quỹ đã thành lập và hoạt động nhưng sau thời hạn 03 năm (kể từ ngày 05/02/2021) vốn điều lệ thực có thấp hơn 300 tỷ đồng.

2. Quỹ bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ và có tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay và đầu tư (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 năm liên tiếp.

3. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% hoặc tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư cao hơn 80% và lũy kế chênh lệch thu - chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ đầu tư phát triển trong 05 năm liên tiếp.

4. Các trường hợp Quỹ hoạt động không hiệu quả hoặc không cần thiết phải duy trì Quỹ theo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 52. Hội đồng giải thể Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho UBND tỉnh về phương án và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ đầu tư phát triển.

2. Thành phần của Hội đồng giải thể bao gồm:

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đại diện lãnh đạo các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ và Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Đại diện lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tĩnh.

d) Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển.

đ) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh.

Điều 53. Quy trình giải thể Quỹ

1. Hội đồng giải thể xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá của tổ chức kiểm toán độc lập về thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển, trừ trường hợp Quỹ đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 06 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ.

b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản cho vay và đầu tư đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ đầu tư phát triển.

c) Phương án chuyển giao các khoản nhận ủy thác của các tổ chức ủy thác.

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

đ) Điều khoản chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ đầu tư phát triển.

2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính và công bố việc giải thể trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trung ương.

3. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực:

a) Quỹ đầu tư phát triển có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 55 Điều lệ này.

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ đầu tư phát triển đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ đầu tư phát triển không quá 02 năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá 01 năm.

Điều 54. Trách nhiệm của Quỹ sau khi có quyết định giải thể

1. Chấm dứt ngay hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư và các hoạt động có liên quan khi quyết định giải thể có hiệu lực.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển phải thực hiện:

a) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực.

b) Lập danh sách các khoản tiền gửi của Quỹ tại các tổ chức tín dụng; danh sách nợ phải trả, bao gồm các khoản vốn huy động; danh sách khách hàng cho vay và sổ nợ gốc, lãi phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); danh sách các dự án đầu tư, các khoản vốn góp tại tổ chức kinh tế và số vốn phải thu hồi từ các dự án này; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác.

c) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản cho vay, đầu tư, các khoản ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ.

b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ đầu tư phát triển (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

Điều 55. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

a) Thu hồi con dấu của Quỹ đầu tư phát triển để phục vụ việc giải thể.

b) Tổ chức giải thể Quỹ đầu tư phát triển theo phương án được duyệt.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải thể.

2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ đầu tư phát triển để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 56. Mối quan hệ giữa Quỹ với cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ

1. Mối quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước

Quỹ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Mối quan hệ giữa Quỹ với các doanh nghiệp vay vốn và doanh nghiệp hợp tác đầu tư

Quỹ với các doanh nghiệp có mối quan hệ thông qua hình thức vay vốn và hợp tác đầu tư trên tinh thần bình đẳng, đôi bên cùng có lợi trên cơ sở hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Điều lệ này.

2. Quyết định việc thành lập, cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và pháp luật có liên quan.

3. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển theo phương án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

4. Phê duyệt điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển hoặc phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Quyết định mô hình tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển, số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

8. Có ý kiến chấp thuận đối với quy chế xử lý rủi ro của Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này.

9. Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này.

10. Quyết định phê duyệt đầu tư, cho vay theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Điều lệ này.

11. Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ đầu tư phát triển.

12. Phê duyệt kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển.

13. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Trách nhiệm của các Sở, ngành có liên quan

1. Sở Tài chính

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tài chính liên quan các hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Sở Nội vụ

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy liên quan hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: thành lập, cơ cấu lại và giải thể Quỹ; phê duyệt tổ chức bộ máy; quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Sở Lao động - thương binh và xã hội:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng và xếp lương đối với Quỹ theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng và xếp lương đối với Quỹ phù hợp với hoạt động của Quỹ theo điều lệ này.

c) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Hà Tĩnh

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động cho vay trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ

Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động (nếu cần thiết).

Điều 60. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư, cho vay đã được ký kết trước khi Điều lệ này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết theo giới hạn đầu tư, cho vay quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho đến hết thời hạn hợp đồng. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các hợp đồng này liên quan đến giới hạn đầu tư, cho vay thì thực hiện theo quy định của Điều lệ này.

2. Sau khi Điều lệ được ban hành, Quỹ có trách nhiệm xây dựng các Quy chế theo quy định, trình Hội đồng quản lý ban hành. Trong thời gian chưa ban hành mới Quy chế, Quỹ tiếp tục thực hiện theo các Quy chế hiện có nhưng phải đảm bảo theo đúng những quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành có liên quan./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Bá Hà